

Thứ sáu, ngày 20 tháng 12 năm 2019

Vietnam Daily Review

Vững đà hồi phục

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 23/12/2019		•	
Tuần 23/12-27/12/2019		•	
Tháng 12/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index có diễn biến tích cực hơn trong phiên hôm nay khi vận động chủ yếu trên mốc tham chiếu với biên độ mở rộng theo thời gian. Các mã VHM, BID, PLX, VRE, TCB là các trụ đỡ thị trường trong phiên hôm nay. Thị trường có phiên hồi phục khả quan trong bối cảnh nhiều TTCK trong khu vực có nhịp điều chỉnh nhẹ. Thanh khoản tăng trong hôm nay, đặc biệt vào phiên ATC chủ yếu đến từ hoạt động cơ cấu danh mục của các quỹ ETF. Bên cạnh đó, tâm lý thị trường cũng phần nào chịu ảnh hưởng tích cực từ sự ra mắt chính thức của quỹ ETF mới mở phòng chỉ số VNFIN LEAD.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư vẫn nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 875 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 20/12/2019, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ.

Danh mục i-Invest: Theme_ Ngân hàng _1.2%. 15/19 danh mục Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Ngân hàng** - gồm ngân hàng có chất lượng tài sản tốt, tiềm năng tăng trưởng bền vững và định giá hợp lý - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.2%**, con số này của VNINDEX là 0.4%

Phân tích kỹ thuật: AAA_Chuỗi giảm nổi dài (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **HPG, PNJ, KDH, TCB, BID**

Điểm nhấn

- VN-Index **+4.15 điểm**, đóng cửa 956.41. HNX-Index **+0.42 điểm**, đóng cửa 102.42.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+0.65); PLX (+0.53); TCB (+0.47); VRE (+0.37); VCB (+0.32)**.
- Kéo chỉ số giảm: **MSN (-0.20); GEX (-0.15); HVN (-0.14); PHR (-0.13); HCM (-0.07)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,406 tỷ đồng**, **+11%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 4.81 điểm. Thị trường có 193 mã tăng, 59 mã tham chiếu và 132 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **328.44 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VIC (143.49 tỷ), VJC (72.37 tỷ) và MSN (58.85 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **2.27 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

956.41

Giá trị: 3406.85 tỷ

4.15 (0.44%)

Khối ngoại (ròng): -328.44 tỷ

HNX-INDEX

102.42

Giá trị: 190.7 tỷ

0.42 (0.41%)

Khối ngoại (ròng): -2.27 tỷ

UPCOM-INDEX

55.67

Giá trị: 157.72 tỷ

0.2 (0.36%)

Khối ngoại (ròng): -6.81 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	61.0	-0.25%
Giá vàng	1,478	-0.05%
Tỷ giá USD/VND	23,176	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	25,763	-0.13%
Tỷ giá JPY/VND	21,197	0.04%
LS liên NH 1 tháng	3.6%	2.63%
LS TPCP 5 năm	2.1%	0.38%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
ROS	38.8	VIC	-143.5
E1VFN30	19.8	VJC	-72.4
KBC	17.9	MSN	-58.9
SBT	13.3	GEX	-47.5
BID	10.3	VHM	-32.6

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Chuyện cuối tuần	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **15/19 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Ngân hàng** - gồm ngân hàng có chất lượng tài sản tốt, tiềm năng tăng trưởng bền vững và định giá hợp lý - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.2%**, con số này của VNINDEX là 0.4%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:

- **14/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **khả quan**

- **5/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Ngân hàng_1.2%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Ngân hàng	1.2%	-0.8%	-2.4%	1.0%	13.8%	12.4%	94.0%	22.0%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	1.0%	-1.2%	-3.2%	-1.2%	4.2%	1.7%	44.1%	19.9%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.9%	-1.6%	-2.3%	-1.4%	14.1%	25.0%	128.0%	18.9%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.8%	-1.7%	-3.4%	-5.9%	7.0%	8.9%	70.7%	17.0%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.7%	-1.8%	-3.1%	-5.0%	6.0%	10.7%	83.5%	16.0%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.7%	-1.5%	-3.6%	-6.0%	0.0%	1.9%	62.2%	14.4%
BĐS & Khu công nghiệp	0.5%	-1.7%	-5.2%	-4.4%	0.3%	0.8%	56.3%	16.3%
FTSE Việt Nam	0.4%	-1.0%	-2.6%	-3.3%	1.5%	5.0%	85.8%	14.9%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.3%	-0.7%	0.4%	3.8%	-2.7%	15.7%	58.0%	14.6%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.3%	-1.5%	-4.2%	-4.8%	-0.8%	2.8%	78.1%	13.7%
Lãi suất giảm	0.2%	-1.4%	-2.5%	-6.1%	-5.6%	-3.0%	56.2%	17.8%
Hàng tiêu dùng	0.1%	-1.8%	-7.5%	-11.6%	-2.4%	-1.1%	54.4%	17.3%
Nước & Năng lượng	0.1%	-0.7%	-3.6%	-4.5%	-5.8%	7.3%	49.5%	14.2%
Chiến tranh thương mại	0.1%	-0.9%	-4.6%	-4.8%	-8.0%	3.2%	15.9%	15.4%
Xây dựng	0.1%	-1.7%	-6.4%	-14.3%	-13.3%	-15.0%	20.7%	18.0%
Dầu khí	-0.1%	-0.9%	-7.6%	-7.8%	-10.3%	-2.0%	19.1%	22.8%
Vật liệu Xây dựng	-0.2%	-2.4%	-1.9%	0.3%	2.3%	3.9%	9.7%	18.6%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.2%	-1.5%	-5.2%	-4.9%	-11.6%	-14.0%	52.1%	21.2%
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.5%	-2.8%	-5.5%	-5.1%	-6.4%	-9.6%	-3.5%	17.3%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 8	1.0%	-0.1%	-2.3%	-1.9%	6.0%	10.4%	59.9%	17.3%
Danh mục 9	0.8%	-0.6%	-5.0%	-4.5%	4.4%	3.9%	56.4%	15.4%
Danh mục 5	0.7%	-0.8%	-3.5%	-2.3%	-0.4%	11.0%	68.9%	17.3%
Danh mục 6	-0.7%	-3.0%	-7.6%	-8.6%	2.9%	6.4%	92.1%	21.7%
Danh mục 17	-1.2%	-2.9%	-7.4%	-6.1%	-2.1%	16.5%	151.3%	19.0%
* Note	14/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày khả quan							

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 20	1.1%	-0.6%	-2.4%	-2.2%	9.5%	11.8%	58.2%	16.7%
Danh mục 19	1.0%	-0.4%	-1.7%	-0.6%	10.4%	17.2%	62.0%	15.5%
Danh mục 21	0.5%	-1.5%	-3.6%	-4.1%	7.7%	12.3%	62.7%	15.7%
Danh mục 25	-0.8%	-2.7%	-4.6%	-6.2%	5.1%	28.0%	136.6%	17.8%
Danh mục 23	-1.2%	-4.0%	-5.7%	-3.5%	-3.6%	22.0%	104.2%	18.8%
* Note	5/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày khả quan							

INDEX								
VNINDEX	0.4%	-1.0%	-3.2%	-3.2%	-0.3%	2.4%	44.2%	15.6%
VN30INDEX	0.7%	-1.4%	-3.3%	-4.7%	0.2%	-3.7%	40.1%	15.9%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

12/20/2019

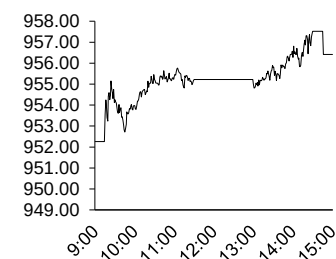
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

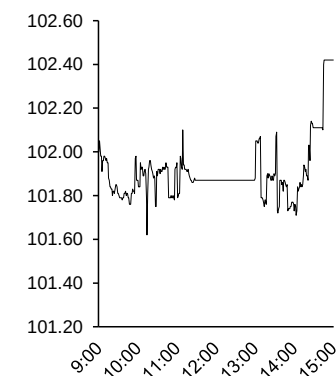
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	-2.4%
Hóa chất	-1.4%
Viễn thông	-1.0%
Du lịch và Giải trí	-0.6%
Xây dựng và Vật liệu	-0.4%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.0%
Ô tô và phụ tùng	0.0%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.0%
Dịch vụ tài chính	0.1%
Thực phẩm và đồ uống	0.2%
Y tế	0.3%
Bất động sản	0.3%
Bán lẻ	0.6%
Tài nguyên Cơ bản	0.9%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.9%
Ngân hàng	1.0%
Công nghệ Thông tin	1.1%
Bảo hiểm	1.1%
Dầu khí	2.1%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

AAA_Chuyển giảm nổi dài

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Giảm giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: xuất hiện Death Cross.
- Chỉ báo RSI: ở trong vùng quá bán.
- Đường MA: EMA12 ở dưới EMA26.

Nhận định: AAA vẫn đang trong xu hướng giảm kéo dài từ giữa năm nay sau khi tạo mô hình hai đỉnh tại vùng giá 18.5. Thanh khoản cổ phiếu vẫn duy trì giá trị ổn định. Hầu hết các chỉ báo kỹ thuật hiện đều đang trong trạng thái tiêu cực. Chỉ báo động lượng RSI tuy đang ở trong vùng quá bán nhưng những lần chỉ báo rời khỏi vùng này đều chỉ dẫn đến sự hồi phục nhẹ trong chốc lát rồi cổ phiếu lại tiếp tục quay trở về với đà giảm của mình. Đáng chú ý, hôm nay chỉ báo MACD đã xuất hiện Death Cross cho thấy trạng thái tiêu cực sẽ còn được duy trì trong thời gian tới. Ngưỡng hỗ trợ kế tiếp của cổ phiếu nằm tại mốc 13. Nếu áp lực bán đẩy AAA xuyên thủng mức giá này thì tiềm năng trở về mệnh giá 10 trong tương lai là hoàn toàn có thể.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

Kế hoạch kinh doanh năm 2019: Doanh thu hợp nhất 10,000 tỷ (+25% YoY), LNST 510 tỷ (+155% YoY), EPS 2,550 đồng/CP, cổ tức 2019 dự kiến 15-20%.

Cập nhật KQKD

Kết quả kinh doanh Q1/2019: Doanh thu 2,600 tỷ (gấp đôi cùng kỳ) với sản lượng xuất khẩu 9,100 tấn (+137% YoY), LNTT 270 tỷ (gấp 3.75 lần cùng kỳ) trong đó có gần 150 tỷ đến từ chuyển nhượng đất tại KCN (Trong Q1/2019, Leo Group (sản xuất giấy của Hồng Kông) đã thuê ước tính 3.6ha đất và 3 block nhà xưởng tại An Phát Complex trong thời hạn 3 năm, tiền thuê đất hạch toán 1 lần trong khi nhà xưởng hạch toán theo từng tháng, giá thuê bình quân 80 nghìn/m2/tháng).

Màng bao bì nhựa: Chuyển đổi cơ cấu sản phẩm túi để đối phó với những biến động về thị trường như EU, Mỹ; tăng biên lợi nhuận, cụ thể công ty sẽ tăng tỷ lệ sản phẩm tự hủy AnEco (túi, cốc, ống hút...), tăng tỷ trọng đóng góp của thị trường Mỹ và Nhật Bản. Đầu tư nhà máy 8 trong năm 2019, chuyển phương án đầu tư từ sản phẩm bao bì màng phức sang hạt nhựa và bao bì tự hủy. Mảng thương mại: đã hoàn tất hợp đồng bao tiêu 35% sản lượng PP đầu ra của BSR, biên lợi nhuận kỳ vọng 3-5%.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: Express AAA 2019Q1

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PNJ_Tăng giá

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

HPG_Tăng giá

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 20/12/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 20/12	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	61.18	0.57%	2.85%	7.10%	33.34%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	66.55	0.57%	3.13%	6.70%	22.46%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.71	1.02%	4.04%	3.08%	29.08%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1479.58	0.22%	0.91%	0.37%	17.41%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.09	0.09%	0.95%	-0.65%	15.80%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	922.70	-0.15%	2.41%	2.05%	3.27%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	544.80	0.01%	0.58%	5.78%	4.07%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.36	-0.15%	-0.36%	-4.82%	39.88%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	173.50	-0.97%	-1.42%	5.79%	17.23%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	13.56	0.97%	0.22%	6.27%	9.01%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	2.50	-13.19%	-13.19%	-25.60%	-15.82%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	126.45	-3.99%	-6.40%	15.95%	24.10%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.82	0.37%	0.46%	6.83%	4.40%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3716.00	0.76%	-0.72%	0.32%	-2.11%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1777.00	0.74%	0.97%	2.66%	-7.06%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	92.00	-0.54%	-0.54%	10.84%	31.43%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	68.50	0.15%	0.26%	-5.69%	-32.59%	HLC, NBC	HT1, BCC

*Nguồn: BSC tổng hợp***Thông tin nổi bật****Giá dầu**

- Chốt phiên giao dịch đêm qua, giá dầu thô Brent tăng 37 US cent lên 66.54 USD/thùng. Giá dầu WTI tăng 29 US cent lên 66.22 USD/thùng.
- Giá dầu đã đạt "đỉnh" 3 tháng trong phiên vừa qua mặc dù khối lượng giao dịch không nhiều khi Giáng sinh sắp đến. Nguyên nhân tăng bởi thông tin tồn trữ dầu thô của Mỹ giảm và những căng thẳng thương mại Mỹ - Trung tiếp tục dịu lại.
- Số liệu của Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ cho thấy tồn trữ dầu thô của nước này trong tuần tới 13/12/2019 giảm 1.1 triệu thùng, trong khi tồn trữ xăng và sản phẩm chưng cất tăng.
- Thị trường dầu có động lực tích cực kể từ sau quyết định của Trung Quốc đưa ra vào ngày 13/12/2019 là hủy bỏ kế hoạch áp thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu từ Mỹ và thỏa thuận Giai đoạn 1 giữa Washington và Trung Quốc đánh dấu thời điểm quan trọng khi hai bên hạ nhiệt đáng kể mối quan hệ thương mại căng thẳng kéo dài đã nhiều tháng.

Giá vàng

- Chốt phiên, giá vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.3% lên 1,479.87 USD/ounce. Giá vàng kỳ hạn tháng 02/2020 trên sàn New York tăng 0.4% lên 1,484.40 USD/ounce. Giá vàng vững trong phiên giao dịch vừa qua do các nhà đầu tư tiếp tục chờ đợi để biết thêm những tiến triển trong quan hệ thương mại Mỹ - Trung, giữa bối cảnh chính trường Washington đầy sóng.
- Trung Quốc ngày 19/12/2019 đã thông báo một danh sách mới 6 sản phẩm Mỹ được miễn thuế nhập khẩu, bao gồm các sản phẩm hóa chất và dầu mỏ.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt trên sàn Đại Liên kỳ hạn tháng 5/2020 đóng cửa tăng 1.9% lên 648 CNY/tấn. Thép cây dùng trong xây dựng kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải tăng 1% lên 3,518 CNY/tấn. Thép cuộn cán nóng tăng 0.06% lên 3,544 CNY/tấn.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 trên sàn ICE tăng 0.9%, tương đương 12 US cent, lên 13.55 US cent/lb. Giá đường trắng giao cùng kỳ hạn trên sàn London tăng 0.8%, tương đương 2.9 USD, lên 358.5 USD/tấn. Giá đường thô trên sàn New York tăng trở lại và hướng tới mức cao kỷ lục 1 năm do nguồn cung khan hiếm.
- Cơ quan thống kê nông nghiệp Brazil – Conab – đã hạ dự báo về sản lượng đường của khu vực Trung Nam nước này niên vụ 2019/20 xuống 27.35 triệu tấn, từ mức 28.97 triệu tấn dự báo trước đây, với lý do những dự báo ban đầu về sản lượng của 6 nhà máy ở khu vực này cao hơn khả năng thực tế. Niên vụ 2019/20, dự báo thị trường đường thế giới sẽ rơi vào tình trạng thiếu hụt.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 3/2020 giảm 4.5% trong phiên vừa qua (6 US cent) xuống 1.272 USD/lb do thị trường tiếp tục điều chỉnh sau khi giá lập kỷ lục cao nhất hơn 2 năm vào ngày 17/12. Kể từ giữa tháng 10/2019 tới nay, giá cà phê arabica đã tăng khoảng 40% do các quỹ hàng hóa mua mạnh trong bối cảnh nguồn cung hạn hẹp. Dự báo thế giới sẽ thiếu hụt cà phê trong niên vụ 2019/20. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 3/2020 giảm 3% trong phiên vừa qua, xuống 1,367 USD/tấn.

Thiên lý mã

Có một con thiên lý mã trẻ tuổi, đang đợi Bá Nhạc đến phát hiện ra nó.

Thương gia đến, nói: "Bạn sẵn lòng đi theo tôi không?"

Ngựa lắc đầu nói: "Tôi là thiên lý mã, sao có thể đi theo thương gia vận chuyển hàng hóa được?"

Binh lính đến, nói: "Bạn có muốn đi theo tôi không?"

Ngựa lắc đầu nói: "Tôi là thiên lý mã, một binh sĩ bình thường sao có thể phát huy hết khả năng của tôi?"

Thợ săn đến, nói: "Bạn sẵn sàng đi theo tôi không?"

Ngựa lắc đầu nói: "Tôi là thiên lý mã, sao có thể đi theo hầu thợ săn?"

Ngày qua ngày, năm qua năm, con ngựa vẫn chưa tìm được cơ hội lý tưởng cho mình.

Rồi một ngày, khâm sai đại thần phụng mệnh đến nhân gian tìm kiếm thiên lý mã. Thiên lý mã gặp được khâm sai đại thần, nói: "Tôi chính là thiên lý mã mà ông muốn tìm."

Khâm sai hỏi: "Bạn có thông thuộc đường đi trên đất nước chúng ta không?", Ngựa lắc đầu.

"Bạn đã từng ra trận, có kinh nghiệm tác chiến chưa?", Ngựa lắc đầu

Khâm sai lại hỏi: "Tôi có thể dùng bạn vào việc gì?"

Ngựa trả lời: "Tôi có thể một ngày đi được một nghìn dặm, một đêm đi được 800 dặm"

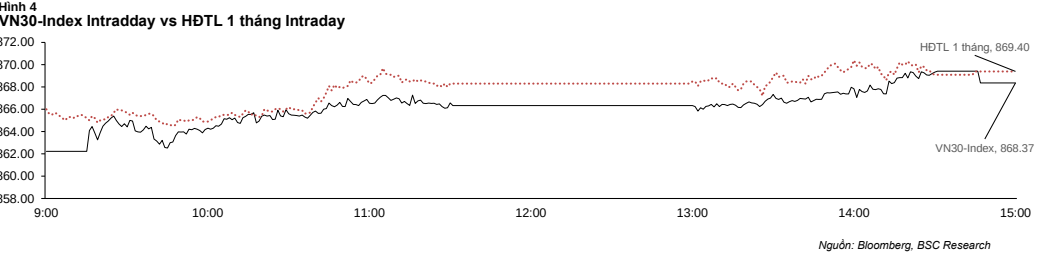
Khâm sai đại thần cho ngựa chạy thử một đoạn đường. Ngựa cố gắng hết sức chạy tiến lên phía trước, nhưng chỉ được vài bước nó đã thở hồng hộc, mồ hôi chảy đầm đìa.

"Bạn già rồi, không dùng được!", nói xong khâm sai liền bỏ đi.

Hôm nay, những nỗ lực dường như bình thường của bạn đều là tích lũy cho tương lai. Mỗi một lần kinh nghiệm, một lần không vui, bị từ chối đều đặt nền móng cho thành công sau này. Không phải chờ đến lúc già, không chạy nổi nữa mới hối hận.

Bằng cấp không có nghĩa là có năng lực, văn bằng không có nghĩa là có văn hóa, quá khứ huy hoàng chỉ là lịch sử để nhớ lại. Vì vậy, ngày hôm qua như thế nào không quan trọng, quan trọng là hôm nay ra sao, ngày mai sẽ thế nào!

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1912	862.20	0.08%	-6.17	-2.9%	75009	1/16/2020	27
VN30F2001	871.00	n/a	2.63	n/a	149	2/20/2020	62
VN30F2003	876.90	0.49%	8.53	-63.3%	55	3/19/2020	90
VN30F2006	880.00	0.28%	11.63	-79.6%	31	6/18/2020	181

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 6.14 điểm lên mức 868.37 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VPB, MBB, FPT, và EIB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. Sau một vài nhịp rung lắc đầu phiên sáng, VN30 tăng tích cực trong phần còn lại của phiên hôm nay. Thanh khoản tăng nhẹ, VN30 có thể tiếp tục vận động tích lũy trong vùng giá 860-870 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm trong dài hạn. Nhà đầu tư vẫn nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 875 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CMBB1905	HSC	4/8/2020	110	2:1	85,680	-59.3%	5.0 triệu	17.68%	1,700	860	14.67%	129.50	6.64
CMBB1904	SSI	1/22/2020	33	1:1	191,500	208.5%	2.0 triệu	17.68%	2,900	1,100	11.11%	138.40	7.95
CHPG1905	SSI	12/30/2019	10	1:1	283,260	0.0%	1.0 triệu	0.00%	3,300	530	10.42%	344.60	1.54
CFPT1907	VND	1/9/2020	20	2:1	56,290	-29.1%	2.0 triệu	20.94%	4,200	2,150	10.26%	1,872.70	1.15
CMWG1904	SSI	12/30/2019	10	1:1	12,400	26.5%	1.0 triệu	21.92%	14,000	21,500	6.44%	20,817.00	1.03
CMBB1903	SSI	4/22/2020	124	1:1	40,160	-41.1%	3.0 triệu	17.68%	4,000	2,080	6.12%	590.10	3.52
CFPT1903	SSI	12/30/2019	10	1:1	148,390	726.7%	2.0 triệu	20.94%	6,000	11,650	6.01%	11,423.70	1.02
CHPG1909	KIS	5/15/2020	147	2:1	57,560	617.7%	5.0 triệu	24.89%	1,800	1,330	5.56%	478.80	2.78
CFPT1905	SSI	4/22/2020	124	1:1	36,020	0.0%	1.0 triệu	21.89%	9,900	6,750	5.47%	4,047.10	1.67
CHPG1908	MBS	1/22/2020	33	2:1	67,090	-50.9%	2.0 triệu	24.89%	1,450	1,660	4.40%	1,313.00	1.26
CVNM1903	SSI	4/22/2020	124	1:1	13,610	0.0%	1.0 triệu	16.33%	26,600	16,300	1.88%	6,067.60	2.69
CVHM1902	SSI	4/22/2020	124	1:1	16,360	-75.2%	1.0 triệu	22.14%	18,600	10,820	1.22%	4,603.40	2.35
CGMD1901	MBS	4/28/2020	130	2.83:1	147,500	n/a	1.5 triệu	17.84%	1,680	1,030	0.98%	257.90	3.99
CVJC1902	SSI	4/22/2020	124	1:1	8,600	1620.0%	1.0 triệu	14.10%	27,900	25,610	0.71%	15,071.60	1.70
CVIC1902	SSI	4/22/2020	124	1:1	5,600	252.2%	1.0 triệu	16.05%	22,700	15,060	-0.26%	2,720.40	5.54
CREE1904	VND	1/9/2020	20	2:1	56,400	1.5%	3.0 triệu	22.26%	3,400	1,230	-0.81%	1,014.20	1.21
CREE1903	SSI	4/22/2020	124	1:1	11,660	-77.7%	1.0 triệu	22.26%	7,600	4,670	-4.30%	2,036.20	2.29
CMSN1902	KIS	5/15/2020	147	5:1	73,130	283.9%	2.0 triệu	24.45%	1,640	870	-5.43%	12.30	70.73
CREE1902	SSI	1/22/2020	33	1:1	26,750	332.8%	1.0 triệu	22.26%	5,600	2,160	-6.09%	933.70	2.31
CMWG1903	HSC	12/30/2019	10	5:1	123,000	2238.4%	2.0 triệu	21.92%	2,700	3,100	-9.88%	3,154.80	0.98
CSBT1901	KIS	2/14/2020	56	1:1	1,140	-81.4%	2.0 triệu	16.57%	1,500	700	-10.26%	4.40	159.09
CDPM1901	KIS	1/9/2020	20	1:1	27,680	62.0%	1.5 triệu	20.94%	1,900	390	-11.36%	201.40	1.94
Tổng:					1,489,780		32.00 triệu	19.35%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 20/12/2019, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ.
- Về giá, CMBB1905 và CMBB1904 tăng mạnh nhất lần lượt tại 14.67 và 11.11%. CDPM1901 và CSBT1901 giảm mạnh nhất lần lượt là -11.36% và -10.26%. Thanh khoản thị trường tăng 0.60%. CHPG1905 tiếp tục có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 14.12% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HPG và VJC, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CVJC1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CFPT1903 và CMWG1904 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	22.80	2.01	1.41
VPB	19.60	2.08	0.93
MBB	21.00	1.45	0.58
FPT	56.50	1.25	0.52
EIB	16.95	2.11	0.50

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MSN	55.0	-1.08	-0.39
CTD	58.0	-4.92	-0.14
VJC	142.5	-0.07	-0.04
ROS	23.6	-0.42	-0.03
HDB	26.2	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMBB1905	26,400	23,000	21,000
CMBB1904	24,900	22,000	21,000
CHPG1905	93,300	23,100	23,000
CFPT1907	61,400	53,000	56,500
CMWG1904	165,000	90,000	110,700
CMBB1903	26,000	22,000	21,000
CFPT1903	51,140	45,140	56,500
CHPG1909	49,360	24,680	23,000
CFPT1905	64,900	55,000	56,500
CHPG1908	23,400	20,500	23,000
CVNM1903	146,600	120,000	120,000
CVHM1902	103,600	85,000	84,200
CGMD1901	29,682	24,928	23,850
CVJC1902	157,900	130,000	142,500
CVIC1902	137,700	115,000	115,800
CREE1904	40,800	34,000	35,800
CREE1903	43,600	36,000	35,800
CMSN1902	155,778	77,889	55,000
CREE1902	41,600	36,000	35,800
CMWG1903	25,800	95,000	110,700
CSBT1901	42,424	21,212	18,400
CDPM1901	15,888	13,988	12,950

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	110.7	0.6%	0.7	2,131	1.7	8,321	13.3	4.3	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	82.8	1.6%	1.0	801	0.7	4,839	17.1	4.5	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	72.5	1.4%	1.3	2,209	3.0	1,889	38.4	3.2	25.4%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	31.2	0.6%	0.7	314	0.0	2,801	11.1	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	115.8	0.0%	1.0	16,960	4.2	1,589	72.9	5.0	14.9%	7.8%
VRE	Bất động sản	33.0	1.7%	1.1	3,336	1.9	1,033	31.9	2.7	32.8%	8.8%
NVL	Bất động sản	55.7	0.0%	0.8	2,298	1.4	3,187	17.5	2.5	7.2%	15.5%
REE	Bất động sản	35.8	0.0%	1.0	483	0.5	5,614	6.4	1.1	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	13.8	-1.4%	1.5	314	1.3	3,215	4.3	0.8	45.6%	25.9%
SSI	Chứng khoán	18.3	1.1%	1.4	404	1.0	1,769	10.3	1.0	55.3%	9.4%
VCI	Chứng khoán	30.0	0.0%	1.0	214	0.2	5,067	5.9	1.3	37.2%	24.7%
HCM	Chứng khoán	20.5	-4.0%	1.5	272	1.0	1,287	15.9	1.4	56.9%	10.2%
FPT	Công nghệ	56.5	1.3%	0.8	1,666	1.9	4,688	12.1	2.8	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	43.2	-0.2%	0.4	467	0.0	4,156	10.4	2.6	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	96.0	0.2%	1.6	7,989	0.8	5,886	16.3	4.0	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	56.9	2.7%	1.5	2,946	0.5	3,467	16.4	3.1	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	17.8	-0.6%	1.7	370	0.8	2,062	8.6	0.7	21.8%	8.5%
BSR	Dầu khí	8.1	0.0%	0.8	1,092	0.3	1,163	7.0	0.8	41.1%	11.0%
DHG	Dược	93.5	0.9%	0.5	532	0.0	4,535	20.6	3.9	54.5%	19.4%
DPM	Hóa chất	13.0	0.4%	0.8	220	0.1	650	19.9	0.6	19.0%	3.7%
DCM	Hóa chất	6.6	0.0%	0.6	153	0.0	625	10.6	0.6	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	88.3	0.3%	1.3	14,239	1.5	5,274	16.7	4.0	23.8%	27.1%
BID	Ngân hàng	42.8	1.3%	1.6	7,476	1.3	2,109	20.3	2.6	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	20.4	1.0%	1.6	3,294	0.9	1,641	12.4	1.0	29.4%	8.5%
VPB	Ngân hàng	19.6	2.1%	1.2	2,077	1.6	3,341	5.9	1.2	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	21.0	1.4%	1.1	2,123	1.7	3,261	6.4	1.2	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	22.7	0.9%	1.1	1,635	1.0	3,585	6.3	1.5	30.0%	25.9%
BMP	Nhựa	47.1	1.1%	0.8	168	0.0	5,073	9.3	1.5	80.5%	16.5%
NTP	Nhựa	32.4	0.0%	0.2	138	0.0	4,603	7.0	1.2	20.6%	17.8%
MSR	Tài nguyên	13.6	-1.4%	1.3	585	0.0	732	18.6	1.0	2.2%	5.6%
HPG	Thép	23.0	0.9%	1.0	2,761	5.4	2,526	9.1	1.4	38.0%	17.4%
HSG	Thép	8.4	2.8%	1.6	154	1.1	890	9.4	0.6	17.6%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	120.0	0.3%	0.7	9,085	9.5	5,527	21.7	7.7	58.6%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	234.1	0.5%	0.8	6,527	0.5	7,365	31.8	8.4	63.4%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	55.0	-1.1%	1.2	2,795	4.3	4,512	12.2	1.9	39.0%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.4	2.2%	0.6	469	1.6	440	41.9	1.5	6.1%	3.5%
ACV	Vận tải	75.0	-0.1%	0.8	7,099	0.1	2,630	28.5	5.3	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	142.5	-0.1%	1.1	3,246	5.0	9,850	14.5	5.5	19.6%	43.3%
HAV	Vận tải	33.9	-1.0%	1.7	2,087	0.1	1,747	19.4	2.6	10.1%	13.4%
GMD	Vận tải	23.9	0.2%	0.8	308	0.3	1,949	12.2	1.1	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	16.6	0.0%	0.6	203	0.1	2,571	6.5	1.1	31.8%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	79.9	-2.8%	1.0	556	0.6	8,338	9.6	4.0	2.2%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.1	0.0%	0.7	352	0.1	1,398	12.9	1.3	13.4%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.7	-1.7%	0.8	244	0.1	1,912	7.7	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	58.0	-4.9%	0.8	192	0.3	9,842	5.9	0.5	47.8%	9.3%
VCG	Xây dựng	27.1	0.7%	1.0	520	0.2	1,557	17.4	1.8	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	22.7	0.7%	0.4	244	0.1	1,845	12.3	1.0	51.0%	8.8%
POW	Điện	12.4	-0.8%	0.6	1,257	1.6	820	15.1	1.2	13.9%	7.8%
NT2	Điện	22.0	-1.6%	0.6	275	0.2	2,721	8.1	1.5	18.7%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	42.75	1.30	0.65	712940.00
PLX	56.90	2.71	0.57	205110.00
TCB	22.80	2.01	0.46	653220.00
VRE	32.95	1.70	0.37	1.32MLN
VCB	88.30	0.34	0.32	389360.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	22.70	0.89	0.33	1.04MLN
HHC	117.30	9.93	0.10	3900.00
DL1	28.90	6.64	0.09	100.00
NDN	17.80	5.33	0.04	871800.00
TIG	6.70	6.35	0.03	537600.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MSN	55.00	-1.08	-0.21	1.80MLN
GEX	18.60	-5.58	-0.16	4.52MLN
HVN	33.85	-1.02	-0.15	99440.00
PHR	47.65	-6.75	-0.14	1.41MLN
PPC	27.20	-4.56	-0.12	133300.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DGC	25.80	-5.15	-0.10	56700.00
VCS	79.90	-2.80	-0.08	178400.00
VC3	17.10	-2.29	-0.03	308700.00
PVS	17.80	-0.56	-0.03	1.00MLN
HUT	2.40	-4.00	-0.02	1.07MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LIX	42.80	7.00	0.03	3110.00
MCP	16.15	6.95	0.01	10060.00
FIT	9.73	6.92	0.05	3.77MLN
TLH	4.48	6.92	0.01	479750.00
POM	5.88	6.91	0.03	60.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.50	25.0	0.01	112600.00
HHC	117.30	9.9	0.10	3900.00
VC1	11.20	9.8	0.00	100.00
DDG	28.10	9.8	0.02	147300.00
VNF	32.60	9.8	0.01	200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HU1	7.80	-7.14	0.00	500.00
LAF	8.65	-6.99	0.00	200.00
UDC	4.56	-6.94	0.00	3010.00
DTL	29.15	-6.87	-0.04	100.00
PHR	47.65	-6.75	-0.14	1.41MLN

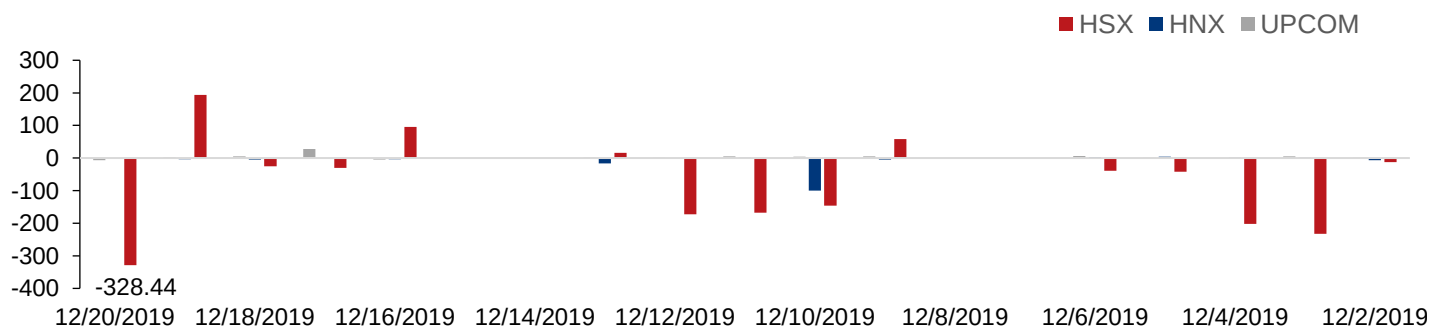
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.40	-20.00	0.00	129600.00
HKB	0.50	-16.67	-0.01	100500.00
BII	0.90	-10.00	0.00	34200.00
BLF	3.60	-10.00	0.00	1300.00
DST	0.90	-10.00	0.00	33000.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



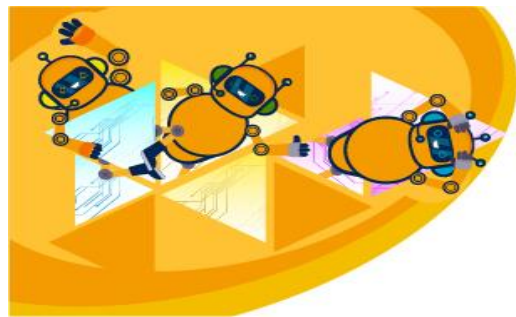
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2018	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
6	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
12	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
13	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
14	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
17	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
19	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	22.8	27.8	22.7	3,585	6.3	1.5	Click
2	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	13.9	15.9	13.4	2,692	5.0	0.8	Click
3	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	22.8	2,660	8.6	1.4	Click
4	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	125.1	162.5	115.8	6,216	18.6	7.0	Click
5	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	84.5	121.0	88.3	5,274	16.7	4.0	Click
6	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	34.8	42.3	32.6	9,530	3.4	1.7	Click
7	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	56.5	4,688	12.1	2.8	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	25.5	30.8	22.7	3,491	6.5	1.1	Click
9	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	17.9	2,246	8.0	0.8	Click
10	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	39.9	3,678	10.8	0.8	Click
11	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	55.0	4,512	12.2	1.9	Click
12	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	120.0	5,527	21.7	7.7	Click
13	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	21.0	2,887	7.3	1.5	Click
14	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	35.8	5,614	6.4	1.1	Click
15	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	77.4	14,958	5.2	1.5	Click
16	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.3	2,279	3.6	0.5	Click
17	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	22.7	3,585	6.3	1.5	Click
18	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	13.4	1,079	12.4	1.1	Click
19	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	88.3	5,274	16.7	4.0	Click
20	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	22.6	1,723	13.1	1.7	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/11/2019	Giá tại Publish 15000 Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền - > nợ xấu) Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giả định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chân ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giả định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Giá tại Publish 11400 Năm 2020, dự kiến DT đạt 560 – 600 tỷ (+50% YoY). Dù ngành đang (1) đơn hàng ít (2) chi phí cao nhưng TDT vẫn đạt KH cao dựa trên (1) lượng NM mới thấp (2) Khách hàng đang tốt (3) Chi phí đầu tư nhà máy thấp (4) Hưởng ưu đãi về thuế. Hiện tại đang vận hành 10 dây chuyền, với 500 công nhân, chủ yếu là CMT (Thời gian xây lắp là 6 tháng). Hiện đang hoàn thiện thêm kho, khu giặt và khu xưởng 2, nhà ở cho khách. Năm 2020, vận hành tổng cộng 18 dây chuyền (+8 chuyền) với 50 công nhân/chuyên (chuyên lớn). Tổng cộng lao động của TDT là 2,500 công nhân. Capacity tăng 50% YoY do (1) các dây chuyền mới chạy full year (2) Nhân viên quen tay nên NS tăng Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 94000 Trong 10% của quỹ khen thưởng phúc lợi, thay vì trích trong DHCD thì mình chỉ phân phối 3% và ghi nhận chi phí là 7%, => tính cùng kỳ, lợi nhuận thực hiện bằng nhau: Q3.18 : 151 tỷ, Q3.19 153 tỷ . Thuế Q3 gộp cao hơn do từ 2019 – 2027, ko được ưu đãi 0% mà là 5% -> ảnh hưởng thuế là 14 tỷ. Lũy kế DTT -2%, LNTT -6% nếu adjust thì DT +9%. Các khoản chi phí 2 – 3 năm ko tăng, nguyên liệu tăng chút đỉnh. Biên LNG giảm từ 46% còn 42% do (1) thay đổi cấu trúc ngành hàng: tăng tỷ trọng hàng khác (2) trong COGS hàng sản xuất -1%: ghi nhận chi phí từ thay đổi cách hạch toán welfare fund và 10 tỷ tăng thêm do NVL tăng. Chi phí NVL trong Q4.2019 sẽ không tăng do đã mua đủ hàng cho nhu cầu.
Express TDT 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 11400 Năm 2020, dự kiến DT đạt 560 – 600 tỷ (+50% YoY). Dù ngành đang (1) đơn hàng ít (2) chi phí cao nhưng TDT vẫn đạt KH cao dựa trên (1) lượng NM mới thấp (2) Khách hàng đang tốt (3) Chi phí đầu tư nhà máy thấp (4) Hưởng ưu đãi về thuế. Hiện tại đang vận hành 10 dây chuyền, với 500 công nhân, chủ yếu là CMT (Thời gian xây lắp là 6 tháng). Hiện đang hoàn thiện thêm kho, khu giặt và khu xưởng 2, nhà ở cho khách. Năm 2020, vận hành tổng cộng 18 dây chuyền (+8 chuyền) với 50 công nhân/chuyên (chuyên lớn). Tổng cộng lao động của TDT là 2,500 công nhân. Capacity tăng 50% YoY do (1) các dây chuyền mới chạy full year (2) Nhân viên quen tay nên NS tăng Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 94000 Trong 10% của quỹ khen thưởng phúc lợi, thay vì trích trong DHCD thì mình chỉ phân phối 3% và ghi nhận chi phí là 7%, => tính cùng kỳ, lợi nhuận thực hiện bằng nhau: Q3.18 : 151 tỷ, Q3.19 153 tỷ . Thuế Q3 gộp cao hơn do từ 2019 – 2027, ko được ưu đãi 0% mà là 5% -> ảnh hưởng thuế là 14 tỷ. Lũy kế DTT -2%, LNTT -6% nếu adjust thì DT +9%. Các khoản chi phí 2 – 3 năm ko tăng, nguyên liệu tăng chút đỉnh. Biên LNG giảm từ 46% còn 42% do (1) thay đổi cấu trúc ngành hàng: tăng tỷ trọng hàng khác (2) trong COGS hàng sản xuất -1%: ghi nhận chi phí từ thay đổi cách hạch toán welfare fund và 10 tỷ tăng thêm do NVL tăng. Chi phí NVL trong Q4.2019 sẽ không tăng do đã mua đủ hàng cho nhu cầu.
Express DHG 2019Q4	13/11/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 73500; Giá tại Publish 56500 Về Chuyển đổi số ở FPT (1) Trong nội bộ FPT: gồm 3 mục tiêu chính (a) new model (b) tăng trải nghiệm khách hàng và © tối ưu hóa chi phí. Trong đó, F-Soft tập trung vào (a), F-Tel tập trung vào (b). Tiến độ: Đa hoàn thành kế hoạch cụ thể. Trong Q4.2019, thực hiện và triển khai. Đầu năm sẽ đưa ra kết quả nhưng điều làm được và kết quả. (2) Trong hợp tác với khách hàng: tập trung vào các dự án Chuyển đổi số. Khách hàng nước ngoài: biên LNTT của dự án CDS khoảng 19-20% (so với 16 – 17% LNTT dự án truyền thống). Khách hàng trong nước: mới làm việc với một số doanh nghiệp và đa có nhưng dự án và kế hoạch sơ bộ CDS chủ yếu đều từ các khách hàng cũ-, chủ yếu ở các lĩnh vực: automatics, logistics, utility.
Express FPT 2019Q4	14/10/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 73500; Giá tại Publish 56500 Về Chuyển đổi số ở FPT (1) Trong nội bộ FPT: gồm 3 mục tiêu chính (a) new model (b) tăng trải nghiệm khách hàng và © tối ưu hóa chi phí. Trong đó, F-Soft tập trung vào (a), F-Tel tập trung vào (b). Tiến độ: Đa hoàn thành kế hoạch cụ thể. Trong Q4.2019, thực hiện và triển khai. Đầu năm sẽ đưa ra kết quả nhưng điều làm được và kết quả. (2) Trong hợp tác với khách hàng: tập trung vào các dự án Chuyển đổi số. Khách hàng nước ngoài: biên LNTT của dự án CDS khoảng 19-20% (so với 16 – 17% LNTT dự án truyền thống). Khách hàng trong nước: mới làm việc với một số doanh nghiệp và đa có nhưng dự án và kế hoạch sơ bộ CDS chủ yếu đều từ các khách hàng cũ-, chủ yếu ở các lĩnh vực: automatics, logistics, utility.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn